

Bản án số: 198/2024/HS-ST
Ngày 11 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
- Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 185/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần H (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1984 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Số C, Ấp F, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số C, Ấp F, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H1, sinh năm 1962 và bà Đậu Thị T, sinh năm 1963; có vợ tên là Mai Lệ H2, sinh năm 1986 và có 02 người con, lớn sinh năm 2007 và nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/02/2007, UBND tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản với số tiền 12.256.000 đồng, bị cáo đã đóng phạt ngày 10/11/2018; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/01/2024 đến ngày 04/7/2024 bị bắt tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971; thường trú: Số A đường số D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1975, thường trú: 9D5 đường DN6, khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1960, thường trú: 665 N, khu phố C, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số D khu phố C, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Ông Dương Đình Q, vắng mặt;

2. Bà Mai Lệ H2, có mặt;

3. Ông Dương Đức H4, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Văn T2, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

5. Anh Phạm Trung N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 02/9/2023, Trần H điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 28F9-5064 đến bãi xe Nguyên Phát tại tổ E, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B để trả xe cho ông Dương Đức H4. Tại đây, H gặp người cháu bên vợ là Dương Đình Q và cùng với Q, ông H4 và bạn của ông H4 đi ăn sáng, uống cà phê. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 02/9/2023, tất cả cùng đi đến quán T4 thuộc khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B để ăn uống. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead, biển số 18B2-468.20 chở Q về bãi xe Nguyên Phát. Khi đi được một đoạn, thấy H say rượu nên Q điều khiển xe chở H về và gọi điện hỏi ông H4 xin ngủ nhờ trong bãi xe. Lúc này H xuống xe đi bộ ra ngoài đường, khi đi ngang qua bãi xe L (nằm chung một khu đất với bãi xe N), H thấy xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, màu đỏ - bạc - đen, biển số 59G1-220.00, của ông Nguyễn Văn T1 đang dựng trong bãi xe L có cắm sẵn chìa khóa trên xe không có ai trông giữ. H điều khiển xe chạy về nhà tại số C, ấp F, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh với mục đích để làm phương tiện đi lại. Sau khi phát hiện xe bị mất, ông T1 kiểm tra camera phát hiện H là người đã chiếm đoạt xe nên ông T1 đến Công an phường T trình báo. Khi biết sự việc trên, ông Dương Đức H4 đã liên lạc với vợ của H là chị Mai Lệ H2 để yêu cầu H mang xe trả lại cho ông T1. Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 02/9/2023, H đã mang xe mô tô biển số 59G1-220.00 đến bãi xe L trả lại xe cho ông T1 và bỏ trốn. Đến ngày 18/12/2023, Trần H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đầu thú, khai nhận hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, màu sơn: đỏ - bạc - đen, biển số: 59G1-220.00, số khung: RLHJC5219CY056376, số máy: JC52E4065864; 01 (một) USB nhãn hiệu Hoco, màu đen, dung lượng 4GB.

Theo Kết luận định giá tài sản số 213/KLĐG-HĐĐGTS ngày 06/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, màu đỏ - bạc - đen, biển số: 59G1-220.00, số máy: 0562E-4065864, số khung: CY-056376 trị giá 8.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì Kết luận định giá tài sản số 213/KLĐG-HĐĐGTS ngày 06/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D, tỉnh B.

Bản Cáo trạng số 200/CT-VKS-DA ngày 28 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh tụng đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS) xử phạt bị cáo Trần H mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave S, màu sơn: đỏ - bạc - đen, biển số: 59G1-220.00, số khung: RLHJC5219CY056376, số máy: JC52E4065864 là tài sản của ông Nguyễn Văn T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả xe trên cho ông T1.

- 01 (một) USB nhãn hiệu Hoco, màu đen, dung lượng 4GB ghi lại hình ảnh camera về hành vi phạm tội của Trần H nên đề nghị lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T1 đã nhận lại tài sản là xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave S, màu sơn: đỏ - bạc - đen, biển số: 59G1-220.00 và không yêu cầu bồi thường gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét, quá trình điều tra những người tham gia tố tụng đã cung cấp lời khai và sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Căn cứ xác định bị cáo phạm tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 18/12/2023; Kết luận định giá tài sản số 213/KLĐG-HĐĐGTS ngày 06/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố D, tỉnh B và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Ngày 02/9/2023 tại bãi xe L thuộc tổ E, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B, Trần H có hành vi lợi dụng sơ hở, thiếu cảnh giác của bị hại, lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, màu sơn đỏ - bạc – đen, biển số 59G1-220.00 của ông Nguyễn Văn T1 có trị giá 8.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản do bị hại quản lý hợp pháp có giá trị 8.000.000 đồng mà bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 200/CT-VKS-DA ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh B truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tội phạm do bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn có tài sản không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình tố tụng bị cáo Trần H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi bị phát hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Ngày 06/02/2007, UBND tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản với số tiền 12.256.000 đồng, bị cáo đã đóng phạt ngày 10/11/2018 nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Xét bị cáo xâm phạm đến tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên áp dụng hình phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave S, màu sơn: đỏ - bạc - đen, biển số: 59G1-220.00, số khung: RLHJC5219CY056376, số máy: JC52E4065864, đây là tài sản thuộc quyền quản lý hợp pháp của ông Nguyễn Văn T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả xe trên cho ông T1 là đúng quy định của pháp luật.

- 01 (một) USB nhãn hiệu Hoco, màu đen, dung lượng 4GB ghi lại hình ảnh camera về hành vi phạm tội của Trần H nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án đã thu hồi trả lại cho ông T1, ông T1 không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2024.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (02);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Mai